

Số: 487/BC-TrMN

Tân Lợi, ngày 29 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO NỘI DUNG CÔNG KHAI
Năm học 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Tân Lợi — tỉnh Đồng Nai.
2. Địa chỉ trụ sở: Ấp Đồng Bia, xã Tân Lợi – tỉnh Đồng Nai .
3. Loại hình cơ sở: Cơ sở giáo dục mầm non Công lập.
4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

*** Sứ mạng:**

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; Để trở thành những người ham học, biết cách học và biết cư xử lễ phép.

Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết cha mẹ học sinh là người hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

*** Tầm Nhìn:**

Trường Mầm non Tân Lợi Được thành lập từ năm 2024 theo Quyết định số 13/QĐ-UB, ngày 20 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Đồng Phú; trường Mầm non Tân Lợi không ngừng cải tiến để mang đến một nền giáo dục phong phú nhằm phát huy tối đa khả năng vốn có của mỗi trẻ. Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng. Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh, giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của cha mẹ trẻ; trên hết, trường Mầm non Tân Lợi luôn chú trọng để tạo nên một môi trường giáo dục Xanh - An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc, tôn trọng sự khác biệt và tổ chất riêng của từng trẻ, từ đó định hình tính cách và định hướng cho trẻ phát triển trong tương lai.

*** Mục tiêu:**

Xây dựng môi trường giáo dục hạnh phúc, trong đó đề cao sự phát triển nhân cách của trẻ, giúp trẻ:

- Hình thành tư chất đạo đức, biết yêu thương, lễ phép và quan tâm đến mọi người xung quanh, tập cho trẻ những thói quen tốt.
- Phát triển tư duy sáng tạo, giúp trẻ tiếp cận với công nghệ thông tin và ngoại ngữ ngay từ tuổi mầm non.
- Khuyến khích trẻ sống hòa nhập; dạy trẻ tính tự lập, trung thực và lòng tự tin; khơi gợi cho trẻ lòng yêu thiên nhiên, yêu vật nuôi, cây trồng.
- Giúp bé phát triển toàn diện, tiếp tục là học sinh gương mẫu sau cấp mầm non và trở thành công dân ưu tú của đất nước mai sau.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ đơn vị:

Trường Mầm non Tân Lợi được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-UB Ngày 29 tháng 8 năm 2004 của UBND huyện Đồng Phú; Quyết định số 111/QĐ-UB Ngày 25 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Tân Lợi Trường đặt tại trung tâm xã Tân Lợi nên thuận tiện cho cha mẹ học sinh đưa đón con em tới trường học tập. Trường hiện có điểm chính và 1 điểm lẻ có tổng diện tích đất 14.145 m² (điểm chính 12.441,1 m², điểm lẻ 1.703,9 m²). Khi mới thành lập Trường Mầm non Tân Lợi gặp vô vàn khó khăn về cơ sở vật chất; trang thiết bị dạy học, đội ngũ cán bộ giáo viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý cũng như giảng dạy, các lớp phải học nhờ nhà dân và sau đó là nhà văn hóa; Tại thời điểm đó kinh tế của địa phương cũng còn nhiều khó khăn, địa bàn rộng có nhiều con em là người dân tộc thiểu số, trường có nhiều điểm lẻ.

Trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm đồng thời luôn nhận được sự quan tâm của UBND huyện, phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND xã Tân Lợi các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Hội cha mẹ học sinh tạo điều kiện chăm lo, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường ngày một khang trang. Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị, trang thiết bị dạy học, khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, phòng chức năng và các phòng khác đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT, ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Các khối công trình đáp ứng theo yêu cầu quy định và bố trí hợp lý đảm bảo cho công tác chăm sóc giáo dục, công tác quản lý. Sân chơi tại các điểm trường rộng rãi, thoáng mát, được bố trí nhiều khu vực vui chơi, có vườn rau, vườn hoa, vườn cổ tích và các thiết bị đồ chơi ngoài trời. Đảm bảo khuôn viên cảnh quan môi trường luôn sạch, đẹp, an toàn.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo về số lượng và chất lượng, ngày càng đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nâng cao

chất lượng giáo dục toàn diện. Tổng số CBQL, GV, NV của nhà trường đến thời điểm hiện tại là 2 người trong đó: biên chế là 19 người (3 BGH, 15 giáo viên và 1 nhân viên), Nghị định 111 là 09 người, trong đó, cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn là 03/03 đạt 100%; giáo viên có trình độ đạt chuẩn là 15/15 đạt 100%, trình độ trên chuẩn là 10/15 đạt 66,66%.

Trường có Chi bộ độc lập gồm 11 đảng viên, chính thức 10 ,đảng viên dự bị,:0 ,Chi bộ là tổ chức lãnh đạo cao nhất trong nhà trường chỉ đạo toàn bộ hoạt động nhà trường; hằng năm Chi bộ đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, 100% Đảng viên được đánh giá đủ tư cách hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chi bộ lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt công tác chăm sóc - nuôi dưỡng - giáo dục trẻ.

Trong những năm học qua, trường luôn thực hiện tốt cuộc vận động “Hai không” với bốn nội dung và các cuộc vận động lớn của ngành; tiếp tục thực hiện Chuyên đề đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo”. Đặc biệt thực hiện tốt việc “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới quản lý giáo dục, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện”. tiếp tục thực hiện Chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” gắn kết với việc thực hiện nâng cao chất lượng thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”. BGH trường luôn quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV, NV, tích cực tăng cường bồi dưỡng cho CBQL, GV, NV ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc nhằm đổi mới hình thức quản lý, hình thức tổ chức dạy học, vận dụng vào nhiệm vụ chuyên môn nhà trường, qua đó chất lượng giáo dục của Trường Mầm non Tân Lợi ngày một đi lên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật, người đại diện liên hệ:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ	SỐ ĐIỆN THOẠI	GMAIL
1	Lê Thị Lan	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Lợi	0967574408	Lelanmntanloi@gmail.com
2	Lê Thị Thanh	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Lợi	0985220748	Lethithanh19782013@gmail.com
3	Nguyễn Thị Hiếu	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Lợi	0979300505	Hieumn87@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập trường số 13 /QĐ-UB của UBND huyện ngày 20 tháng 8 năm 2024 Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện về việc thành lập Trường Mầm non Tân Lợi. Quyết định số 111/QĐ-UB Ngày 25 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Tân Lợi

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường số 270/QĐ-UBND của UBND huyện Đồng Phú ngày 24/01/2024 Quyết định về việc thành lập Hội đồng trường Mầm non Tân Lợi, nhiệm kỳ 2024-2029.

- Danh sách chức danh thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thành viên	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Lan	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Bà Lê Thị Thanh	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
3	Bà Nguyễn Thị Hiếu	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
4	Bà Nguyễn Thị Trang	TKP Chòi- Mầm	Thư ký	
5	Bà Nguyễn Thị Thảo Ly	Khối trưởng Lá- nhà trẻ	Thành viên	
6	Bà Vũ Thị Hoài Giang	Khối trưởng Mầm- Chòi	Thành viên	
7	Bà Triệu Thị Hái	Tổ trưởng tổ nuôi	Thành viên	
8	Ông Đỗ Trường Giang	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên	
9	Bà Hoàng Thị Nguyệt	Bí thư chi Đoàn	Thành viên	
10	Bà Nông Thị Kim Thương	Trưởng Ban ĐDCMTE	Thành viên	

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng:

- Hiệu trưởng: Bà Lê Thị Lan tại Quyết định số 3477/QĐ-UBND của UBND huyện Đồng Phú ngày 26 tháng 11 năm 2020 Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm chức lãnh đạo quản lý.

- Quyết định số 1422/QĐ-SGDDT ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý (Bà Lê Thị Lan)

- Phó Hiệu trưởng: Bà –Lê Thị Thanh, tại Quyết định số 3332/QĐ-UBND của UBND huyện Đồng Phú ngày 25 tháng 11 năm 2019 Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

- Quyết định số 1423/QĐ-SGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc tiếp nhận và bộ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý (Bà Lê Thị Thanh)

- Phó Hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Hiếu, tại Quyết định số 3004/QĐ-UBND của UBND huyện Đồng Phú ngày 05 tháng 07 năm 2024 Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

- Quyết định số 1228/QĐ-SGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc tiếp nhận và bộ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý (Bà Nguyễn Thị Hiếu)

d. Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị: *(Có Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị kèm theo)*

e. Họ và tên, chức vụ, số điện thoại, địa chỉ gmail, nơi làm việc của tập thể CBQL-GV-NV: *(Có danh sách thông tin CBQL-GV-NV của đơn vị kèm theo)*

8. Các văn bản khác đơn vị ban hành:

- Chiến lược xây dựng phát triển nhà trường số 215/PHCL-TrMN ngày 21 tháng 12 năm 2020 của trường Mầm non Tân Lợi về Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025. *(Có kế hoạch kèm theo)*

- Quy chế dân chủ số:471 /QC-TrMN ngày 27/9/2025 của trường Mầm non Tân Lợi ban hành Quyết định Thực hiện Quy chế dân chủ trường Mầm non Tân Lợi năm học 2025-2026.

- Nghị quyết Hội đồng trường số: 469 /NQ-TrMN ngày 26/9/2025 của trường Mầm non Tân Lợi về việc thống nhất các khoản thu bắt buộc học phí, khoản thu dịch vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, khoản thu dịch vụ giáo dục ngoài giờ của nhà trường năm học 2025-2026.

- Nghị quyết Hội đồng trường số: 469a /NQ-TrMN ngày 26 /9/2025 của trường Mầm non Tân Lợi về việc họp phiên họp đầu năm học 2025-2026

- Kế hoạch tuyển sinh số: 301/KH-TrMN ngày 21/7/2025 của trường Mầm non Tân Lợi kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026.

- Quy chế chi tiêu nội bộ số: 05/QC-TrMN ngày 04/01/2025 của trường Mầm non Tân Lợi Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025

- Quy chế làm việc số: 473/QC-TrMN ngày 27/9/2025 của trường Mầm non Thuận Lợi ban hành Quy chế làm việc trường Mầm non Tân Lợi năm học 2025-2026.

- Quy tắc ứng xử số: 472/QC-TrMN ngày 27/9/2025 của trường Mầm non Tân Lợi ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trong đơn vị Năm học 2025 – 2026

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28			15	4	2	7	0	14	4				
I	Giáo viên	15			11	4			0	14	1				
1	Nhà trẻ	3			2	1			0	2	1				
2	Mẫu giáo	12			9	3			0	12	0				
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2				
III	Nhân viên	10			1		2	7							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	7						7							
..	..														

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026	
		Số lượng	Bình quân	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	7	Số m ² /trẻ em	7	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học				
1	Phòng học kiên cố	7	1,812 m ² /trẻ em	7	1,812 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên	0	0	0	0

	cổ				
3	Phòng học tạm	0		0	
4	Phòng học nhờ	0		0	
III	Số điểm trường	2		2	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	14.648m ²	22,6 m ² /trẻ em	5.714m ²	22,6 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	8.868,73m ²	44,34m ² /trẻ em	8.868,73m ²	43,68m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	0		0	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	371,94/7phòng	1,84m ² /trẻ em	371,94/7phòng	1,83m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	371,94/7phòng	1,84m ² /trẻ em	371,94/7phòng	1,83m ² /trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	92,82/7phòng	0,46 m ² /trẻ em	92,82/7phòng	0,45 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	193,23m ² /	0,96 m ² /trẻ em	193,23	0,95 m ² /trẻ em
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	57,72/1phòng	0,28m ² /trẻ em	57,72/1phòng	0,28m ² /trẻ em
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	57,72/1phòng	0,29m ² /trẻ em	57,72/1phòng	0,28m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	81,48/2bếp	0,40m ² /trẻ em	81,48/2bếp	0,40m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		01 bộ/nhóm (lớp)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	3/7		3/7	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	3/7		3/7	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5		5	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được	3		3	

	sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)						
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	0		0			
1	Bộ thể chất đa năng.	0	Dùng chung tại phòng thể chất	0	Dùng chung tại phòng thể chất		
2	Đồ chơi tự làm	14	02 bộ/lớp	14	02 bộ/lớp		
		Số lượng(m ²)					
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em			
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	0		13			0,6
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*						

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục; Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá:

- Báo cáo tự đánh giá năm học 2025-2026. (Có báo cáo kèm theo)
- Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá số 377/KH-TrMN ngày 30 tháng 9 năm 2024 của trường Mầm non Tân Lợi về việc xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá năm học 2024-2025. (Có báo cáo kèm theo)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

STT	NỘI DUNG	2024-2025	2025-2026	GHI CHÚ
1	Tổng số trẻ em	200	203	
2	Tổng số nhóm, lớp	7	7	
3	Số nhóm trẻ.	1	1	
4	Số trẻ tính bình quân/ nhóm	21	25	

5	Số lớp mẫu giáo	6	6	
6	Số trẻ tính bình quân/ lớp mẫu giáo	30	30	
7	Số trẻ học nhóm, lớp ghép	0	0	
8	Số trẻ học 2 buổi/ ngày	200	203	
9	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú.	200	203	
10	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	200	203	
11	Số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ.	200	203	
12	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.	95	81	
	Số trẻ khuyết tật.	02	00	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính trong năm tài chính trước liền kề:
 - a. Nguồn ngân sách nhà nước.
 - b. Nguồn học phí.
2. Chính sách, kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.
3. Số dư các khoản quỹ:
 - a. Khoản quỹ phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp.
 - b. Khoản quỹ phí bán trú.
 - c. Khoản quỹ tiền ăn bán trú.

(Có biểu chi tiết đính kèm)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025 - 2026.

1.1 Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

- 100% CBQL-GV-NV được triển khai thực hiện kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo của ngành có liên quan đến giáo dục mầm non và thực hiện lưu trữ đầy đủ.

- 100% CBQL-GV-NV Thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của các cơ sở GDMN theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày

03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất.

- 100% VC-NV thực hiện cam kết thực hiện Xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với các tiêu chí để công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục:

- Vẫn còn một số giáo viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến, đề ra những giải pháp trong thực hiện Chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”. Lý do: giáo viên trẻ mới tuyển dụng nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn.

- Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, hướng dẫn giáo viên tăng cường công tác dự giờ, lên lớp để có nhiều kinh nghiệm trong công tác chuyên môn.

1.2. Rà soát, sắp xếp và phát triển mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

- 03/07 nhóm lớp có đủ đồ dùng đúng quy định theo văn bản hợp nhất 01/2015.

- 100% thành viên tham gia phối hợp đoàn thể tổ chức kiểm tra cơ sở vật chất theo định kỳ 1 năm/2 lần, có đánh giá chất lượng còn lại của từng loại đồ dùng, đồ chơi. Tu sửa, bổ sung cơ sở vật chất.

- Nhà trường cải tạo sửa chữa cơ sở vật, lát gạch sân trường, làm khu vườn cổ, mái vòm ở điểm chính.

- Kinh phí đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất trong năm học 2024 - 2025: 688.700.000đ

- Nhà trường cải tạo sửa chữa cơ sở vật, lát gạch sân trường, làm khu vườn cổ, mái vòm ở điểm chính. - Trẻ nhà trẻ:

+ Trẻ em: 3-12 tháng: 30/14 nữ: Dân tộc: 14/6 nữ

+ Trẻ em: 13-24 tháng: 70/29 nữ. Dân tộc: 38/12 nữ.

+ Trẻ em: 25-36 tháng: 77/39 nữ. Dân tộc: 32/16 nữ

- Trẻ mẫu giáo: 257/ 127. Dân tộc: 122 /65 nữ

- Trẻ 5 tuổi: 96/49 nữ. Dân tộc 52/ 28 nữ

* Huy động trẻ ra lớp:

- + Trẻ em: 3-12 tháng: 0
- + Trẻ em: 13-24 tháng: 0.
- + Trẻ em: 25-36 tháng: 23/77. Tỷ lệ: 29,87%
- Trẻ Mẫu Giáo: 188/257. Tỷ lệ :73,15% .
- Trẻ 5 tuổi 94/96, tỷ lệ: 97,91% (Có 2 trẻ bị khuyết tật: bại não không đi học được)
- 100% trẻ học bán trú tại trường
- Tổng số lớp, nhóm có 7 nhóm, lớp / 202 trẻ
- Điểm chính: 5 nhóm, lớp (Nhóm 1:21/11 nữ; Lớp Mầm 1:25/10 nữ; Lớp Chồi 1: 30/16 nữ; Lớp Lá 1: 31/16 nữ; Lớp Lá 2: 30/16 nữ)
- Điểm Thạch Màng : 2 lớp (Lớp Lá 2: 35/19 nữ; Lớp chồi 2: 30/15 nữ)

1.3.Củng cố, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT; tiến tới PCGDMNTEMG vào năm 2030:

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

- 100% trẻ 5 tuổi trên địa bàn được ra lớp mẫu giáo.
- 100% trẻ 5 tuổi được học 2 buổi / ngày
- 2/2 lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng đồ chơi theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2015.
- 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non trở lên.
- Đạt tỷ lệ chuyên cần từ 95% trở lên.
- 100% GV có trình độ chuẩn trở lên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi.
- 100% trẻ 5 tuổi được nhận đầy đủ các chính sách theo quy định.
- Duy trì giữ vững đạt tiêu chuẩn PCGDCTENT.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục: không

1.4. Nâng cao chất lượng hoạt động, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em:

1.4.1. Sẵn sàng thích ứng linh hoạt với tình hình thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ:

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

- 100% giáo viên ký cam kết không bạo hành trẻ.
- 100% phụ huynh ký cam với nhà trường về phòng, chống bạo hành trẻ.
- Trong năm không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong nhà trường; bảo đảm an

toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ em.

- Đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ; không phát sinh dịch bệnh.
- Duy trì đạt “Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích”
- 100% CBQL-GV-NV không vi phạm đạo đức nhà giáo, Quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục: không

1.4.2. Quản lý chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em:

1.4.2.1. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

- Đảm bảo 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.
- 100% phụ huynh được tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng hợp lý giúp trẻ phát triển cân đối về thể chất
- 100% nhóm, lớp có trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì thực hiện công tác phối hợp với gia đình để xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì.
- 100% các cháu được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học.
- 100% nhóm lớp có góc tuyên truyền về cách chăm sóc và nuôi con theo khoa học để tuyên truyền với phụ huynh.
- 100% VC-NV, Phụ huynh ký cam kết phòng, chống bạo hành trẻ em.
- Đảm bảo đơn vị không để xảy ra tình trạng bạo hành trẻ em, tai nạn thương tích nghiêm trọng.
- Phần đầu đến cuối năm trường được công nhận Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích.
- 2/2 bếp có đủ dụng cụ và đồ dùng phục vụ nấu ăn cho trẻ.
- Tổng số 7 lớp, nhóm bán trú: 200/200 cháu tham gia ăn bán trú tại trường

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục:

- Hạn chế: Vẫn còn cháu mắc thể suy dinh dưỡng thể còi cọc.
- Giải pháp khắc phục tiếp tục tuyên truyền phụ huynh có chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý để trẻ có cân nặng phù hợp độ tuổi.

1.4.2.2. Đổi mới hoạt động giáo dục:

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

- 7/7 lớp, nhóm được trang bị đầy đủ tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình
- 7/7 lớp, nhóm được trang bị đầy đủ trang thiết bị dạy học
- 100% GV thực hiện tốt HSSS Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 BGH ký duyệt 2 lần/ năm.
- Sinh hoạt chuyên môn 1 lần/tháng; sinh hoạt tổ khối 2 lần/ tháng.
- 100% trẻ em dân tộc thiểu số học, đọc thông thạo tiếng Việt, tích cực tham gia các hoạt động học trên lớp.
- 07/07 nhóm lớp xây dựng môi trường chữ viết trong và ngoài lớp đa dạng.
- 100% giáo viên thực hiện tốt chuyên đề “ Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm.
- 40% trẻ mẫu giáo tham gia học chương trình làm quen tiếng Anh.

*** Học sinh:**

- Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi 97% trở lên
- Tỷ lệ Bé ngoan 5 tuổi: 95% trở lên
- Tỷ lệ chuyên cần các độ tuổi còn lại: 94% trở lên
- Tỷ lệ bé ngoan các độ tuổi còn lại: 93% trở lên.

*** Thao giảng, dự giờ:**

- + Hiệu trưởng dự giờ ít nhất 4 tiết/ tháng /36 tiết / năm.
- + Phó hiệu trưởng dự giờ ít nhất 16 tiết / tháng /144 tiết/ năm (cả 02 PHT).
- + 01 giáo viên dự giờ giáo viên 12 tiết/ năm.
- + Thao giảng ít nhất 4 tiết/ năm / toàn trường.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục:

- Hạn chế: 1 số giáo viên mới ra trường việc tiếp cận môi trường nội dung chương trình cũng như khả năng của trẻ chưa kịp thời nên ảnh hưởng đến chất lượng CSGD trẻ.
- Giải pháp khắc phục: hướng dẫn giáo viên nghiên cứu tài liệu chuyên môn, tích cực tổ chức các hoạt động cho CBQL, thao giảng, dự giờ rút kinh nghiệm

1.5. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non:

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

- 100% CBQL-GV-NV đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (Chỉ thị 05-CT/TW và chỉ thị số 27-CT/TTg).
- 100% CBQL- GV-NV không vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo.
- 100% CBQL- GV-NV thực hiện hiệu quả bộ quy tắc ứng xử.
- 100% CBQL- GV-NV thực hiện tốt quy chế dân chủ.
- 100% CB-GV-NV tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh.
- 100% Giáo viên đạt trình độ chuẩn theo Luật giáo dục sửa đổi (thực hiện theo lộ trình ND 71)
- 100% Giáo viên được nhận chế độ theo Nghị định 06/2018 và Nghị định 105/2020.
- Xếp loại Chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng từ loại tốt đạt 1/3 Tỷ lệ 33,33 %; 2/3 Tỷ lệ 66,66 %
- Xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non:
 - + Tốt: 5/15 GV - Tỷ lệ: 33,33%
 - + Khá: 9/15 GV - tỷ lệ 60%
 - + Đạt : 1/15 GV - tỷ lệ 6,67%

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục:

- Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho 5 Giáo viên đang tham gia các lớp Đại học Mầm non.

1.6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế:**a) Ưu điểm, kết quả đạt được**

- 100% CBQL-GV-NV, phụ huynh học sinh được triển khai và Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh.
- 7/7 nhóm, lớp Bổ sung đồ dùng bán trú.
- 2/2 bếp ăn được trang bị đồ dùng bán trú.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục: không.**1.7 Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin****a. Ưu điểm, kết quả đạt được:**

- 100% cha mẹ học sinh thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí và các giao dịch khác.
- 100% cha mẹ học sinh đăng ký tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.
- 100% CBQL-GV-NV thực hiện tốt việc họp, hội nghị, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, chính trị trực tuyến.
- 100% biết sử dụng, khai thác và chia sẻ tài nguyên; hỗ trợ tốt cho công tác quản lý và giảng dạy.
- 100% CBQL-GV thực hiện lưu trữ và sử dụng hồ sơ, sổ sách chuyên môn tinh gọn, hiệu quả.
- 100% CBQL-GV ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, sử dụng các phần mềm 1 cách hiệu quả.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục: không.

1.8 . Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN:

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

- Có 1-2 tin, bài viết tuyên truyền được đăng trên website hoặc mạng xã hội do Phòng Giáo dục và Đào tạo quản trị.
- Có 01 bài viết trong năm học tuyên truyền giáo dục mầm non, chăm sóc sức khỏe trẻ, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh xâm hại trẻ, phổ cập GDMNTENT, tuyên truyền đến cha mẹ trẻ và nhân dân trên địa bàn.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục: Không

1.9. Công tác khác:

1.9.1. Quản lý tài chính, tài sản

- Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TTBGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT.

a. Ưu điểm, kết quả đạt được

- Thực hiện công khai thu Chi hàng tháng hàng quý, năm.
- Xây dựng kế hoạch Thu – Chi công khai rõ ràng.
- Có dự toán kinh phí ngân sách/năm, cân đối các khoản mục theo quy định. Đồng thời xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ trong đơn vị.
- Thực hiện quản lý thu, chi kinh phí trong và ngoài ngân sách đúng nguyên tắc tài chính.

- Công khai khai thu - Chi hàng tháng hàng quý theo quy định.
- Thiết lập đầy đủ hồ sơ thu chi- các loại quỹ trong và ngoài ngân sách lưu trữ đầy đủ đúng nguyên tắc tài chính.
- Thực hiện quản lý tài sản nhà trường theo phần mềm Misa.
- Trong năm trường đã thành lập kiểm tra tài sản trong nhà trường đúng theo quy định.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục: Không

1.9.2. Y tế trường học:

a) Ưu điểm, kết quả đạt được

- 100% trẻ Phối hợp với trạm y tế xã Tân Lợi trong việc tổ chức các chiến dịch tiêm chủng, uống vắc xin phòng bệnh cho học sinh.
- Phối hợp với trung tâm y tế huyện Đồng Phú tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, thực hiện kiểm tra sức khỏe 2 lần /1 năm học để đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe để kịp thời phối hợp tốt với phụ huynh trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục: Không

1.9.3. Tham gia, tổ chức các hội thi:

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

Tham gia hội thi Cấp xã, cấp tỉnh.

c. Hạn chế và giải pháp khắc phục:

1.9.4. Bồi dưỡng chuyên môn:

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

- 100% CBQL-GV tham gia tập huấn các lớp bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề cho đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non.
- Xây dựng kế hoạch kế hoạch thao giảng dự giờ hàng tháng và tiến hành dự giờ giáo viên theo đúng kế hoạch phân công.
- Các tiết dự giờ được nhận xét đánh giá rút kinh nghiệm và xếp loại giáo viên

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục:

- Giải pháp khắc phục: Tăng cường công tác thao giảng dự giờ giáo viên nhằm xây dựng góp ý cho giáo viên rút kinh nghiệm nâng cao chất lượng chuyên môn trong năm học tiếp theo. Đối với những giáo viên mới chuyển đến công tác và giáo viên

mới ra trường.

1.9.5. Tham dự hội thảo, sinh hoạt chuyên môn:

a. Ưu điểm, kết quả đạt được:

Tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề cho đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non do các cấp tổ chức; tham gia các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề do Phòng GD & ĐT tổ chức.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục: không

1.10. Một số chỉ tiêu phấn đấu trong năm học 2025 – 2026

*** Ưu điểm, kết quả đạt được:**

Trẻ em

1.1. Lớp, nhóm trẻ em, tỷ lệ huy động.

- Duy trì 07 lớp, nhóm/200 trẻ trở lên đến cuối năm học.
- Tỷ lệ huy động trẻ đến trường:
- Nhà trẻ: 21/177 trẻ, tỷ lệ: 11,86 % trẻ nhà trẻ trên địa bàn được ra lớp.
- Mẫu giáo: 182/256 trẻ, tỷ lệ: 71,04 % trẻ MG trên địa bàn ra lớp.
- Mẫu giáo 5 tuổi: 93/95 trẻ, tỷ lệ: 97,89% trẻ 5 tuổi trên địa bàn ra lớp.(có 2 trẻ bị bại não)

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân – béo phì

*** Tổng trẻ toàn trường: 203 trẻ**

+ Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân toàn trường:

Tổng số trẻ đầu trẻ SDD 9 trẻ/ 203 trẻ tỷ lệ : 4,43%, phần đầu cuối năm giảm xuống còn cuối năm còn 2 trẻ tỷ lệ 0,98% So với đầu năm giảm 7 cháu tỷ lệ 3,44%.

+ Suy dinh dưỡng thể thấp còi: 12/203 tổng số trẻ, tỷ lệ 5,91 %, phần đầu cuối còn 3 cháu tỷ lệ giảm 1,47%. So với đầu năm giảm 9 cháu tỷ lệ 4,43%.

+ Suy dinh dưỡng thể còi cọc: 0/203 tổng số trẻ tỷ lệ 0%,

+ Cân nặng cao hơn tuổi: 10/203 tổng số trẻ, tỷ lệ 4,92%. Phần đầu cuối năm giảm còn 3 cháu tỷ lệ 1,47%, so với đầu năm giảm 7 cháu tỷ lệ 3,44%

+ Trong đó béo phì: 5 trẻ/203 tổng số trẻ tỷ lệ 2,46% phần đầu cuối giảm xuống còn 1 cháu tỷ lệ 0,49% so với đầu năm giảm 4 cháu tỷ lệ 1,97%.

*** Trẻ em nhà trẻ:**

+ Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 2 trẻ/25 tổng số trẻ tỷ lệ 8% phần đầu đến cuối

năm giảm còn 1 cháu tỷ lệ 4%, so với đầu năm giảm 1 trẻ tỷ lệ 4%.

+ Suy dinh dưỡng thể thấp còi: 4 trẻ/25 tổng số trẻ, tỷ lệ 16% phần đầu đến cuối năm giảm còn 1 cháu tỷ lệ 4%, so với đầu năm giảm 3 cháu tỷ lệ 12%.

+ Suy dinh dưỡng thể còi cọc: 0 trẻ/25 tổng số trẻ tỷ lệ 0%,

+ Cân nặng cao hơn tuổi : 0 trẻ/25 tổng số trẻ tỷ lệ 0%

*Trẻ em mẫu giáo 5 tuổi:

+ Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 3/77 tổng số trẻ tỷ lệ 3,89%, phần đầu cuối năm giảm xuống còn 0 cháu tỷ lệ 0%, so với đầu năm giảm 3 cháu tỷ lệ 3,89%.

+ Suy dinh dưỡng thể thấp còi: 2 trẻ/77 tổng số trẻ, tỷ lệ 2,59%. Phần đầu cuối năm giảm xuống còn 0 cháu tỷ lệ 0%, so với đầu năm giảm 2 cháu tỷ lệ 2,59%.

+ Suy dinh dưỡng thể còi cọc: 0 trẻ/77 tổng số trẻ tỷ lệ 0%

+ Cân nặng cao hơn tuổi: 7/77 tổng số trẻ tỷ lệ 9,09%, phần đầu đến cuối năm giảm xuống còn 1 cháu tỷ lệ 1,29% so với đầu năm giảm 6 cháu tỷ lệ 7,79%.

+ Trong đó béo phì: 4 trẻ/76 tổng số trẻ tỷ lệ 5,1%, phần đầu cuối năm giảm xuống còn 1 cháu tỷ lệ 1,29%, so với đầu năm giảm 3 cháu tỷ lệ 3,89%.

*** CBQL- Giáo viên – Nhân viên**

- Sáng kiến các cấp: Cấp cơ sở đạt: 5 bộ, cấp xã: 03 bộ.

- Chi đoàn: Xuất sắc.

- Chi bộ: Hoàn thành thành tốt nhiệm vụ.

- PCGDMNTENT: Duy trì đạt tiêu chí chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

- Trường đạt chuẩn văn hóa.

- Trường đạt “trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích”.

- Trường đạt tiêu chí, tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

- Duy trì trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN (kèm theo bảng kiểm).

a. Ưu điểm và kết quả đạt được:

- Đã xây dựng kế hoạch xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích năm học 2024 - 2025, kèm theo các phương án bảo đảm an ninh trật tự,

an toàn giao thông; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng, chống bạo hành, xâm hại; phòng tránh trẻ bị thất lạc; phòng chống cháy nổ; ứng phó với dịch bệnh, thảm họa thiên tai trong cơ sở GDMN.

- 100% CB-GV-NV tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích do trường nhà trường tổ chức.

- 100% nhóm lớp có bảng tin tuyên truyền và thực hiện tốt công tác tuyên truyền.

- 100% trẻ tham gia học tại trường không bị tai nạn thương tích nặng và không có tình trạng bạo hành, xâm hại trẻ em xảy ra.

- 100% giáo viên các nhóm lớp đã thực hiện tốt công tác lồng ghép giáo dục kiến thức kỹ năng bảo đảm an toàn cho trẻ phù hợp với thực tế tại nhóm lớp.

- Nhà trường tổ chức đánh giá bằng kiểm kê theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT và có kết quả, đạt 50/50 tiêu chí.

b. Hạn chế và giải pháp khắc phục: Không

3. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện về triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2025” đối với GDMN. Số lượng bài tuyên truyền (kèm nội dung, hình ảnh tuyên truyền), Sáng kiến; giải pháp sáng tạo về triển khai thực hiện kế hoạch tại đơn vị.

a. Công tác truyền thông.

*** Ưu điểm.**

- Tất cả CBQL, giáo viên trong nhà trường đã thực hiện tốt, nắm được mục đích, ý nghĩa tầm quan trọng của việc thực hiện Đề án: “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số”.

- Có 1 bài viết tuyên truyền và 1 sáng kiến về chuyên đề tăng cường tiếng Việt cho trẻ vùng DTTS và đã được phát trên các điểm trường.

- Làm tốt công tác phối hợp với phụ huynh, tăng cường tiếng Việt, để xây dựng môi trường tiếng Việt cho trẻ ngay tại nhà mang lại hiệu quả. Trẻ đã nói được những từ tiếng Việt thành thạo các câu đơn giản cô yêu cầu.

- 100% trẻ 5 tuổi DTTS ra lớp.

- 100% trẻ DTTS học 2 buổi/ ngày.

- 95% trẻ 5 tuổi DTTS đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, 90% trẻ DTTS ở các độ tuổi

*** Khó khăn trong quá trình thực hiện.**

- Công tác vận động trẻ DTTS ra lớp còn gặp khó khăn (do trẻ theo ba mẹ đi làm thuê, làm rẫy rồi ở luôn trong rẫy không về; Gia đình không có điều kiện cho trẻ ở lại trường ăn trưa).

*** Các giải pháp khắc phục nội dung trên.**

- Nhà trường chỉ đạo giáo viên điều tra rà soát lại trên địa bàn ấp do giáo viên phụ trách còn những trẻ 5 tuổi DTTS nào chưa ra lớp. Lập danh sách gửi về ấp, nhờ ban ấp kết hợp cùng đi vận động.

- Đối với gia đình không có điều kiện cho trẻ ở lại ăn trưa giáo viên đã vận động phụ huynh cho trẻ tham gia học 2 buổi/ngày.

b. Công tác đầu tư học liệu, đồ dùng, đồ chơi và xây dựng môi trường tiếng Việt cho trẻ em.

*** Ưu điểm.**

- 3/7 lớp (có trẻ DTTS) đều được trang bị bổ sung đầy đủ tài liệu tăng cường tiếng Việt và được bổ sung đồ dùng, đồ chơi các thiết bị tối thiểu theo thông tư 02 của Bộ giáo dục quy định

*** Khó khăn.**

- Kinh phí chi cho thực hiện đề án không có.

- Đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho dạy và học còn ít nên khi thực hiện hoạt động giáo viên còn phải tự làm nhiều đồ dùng, đồ chơi tự tạo.

- Đời sống nhân dân trên địa bàn còn khó khăn nên việc huy động nguồn lực xã hội hóa còn hạn chế do đó việc đầu tư cơ sở vật chất hiện đại hơn cũng còn gặp nhiều khó khăn.

- Chưa xây dựng được góc sách cho điểm lẻ. Do CSVN chưa đảm bảo, kinh phí còn hạn chế.

*** Hướng giải quyết.**

- Tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo có nguồn kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất.

- Tích cực kiểm tra, đôn đốc, giáo viên để rút kinh nghiệm trong việc thực hiện môi trường tiếng Việt cho trẻ.

- Vận động xã hội hóa giáo dục xây dựng góc đọc sách cho điểm lẻ

c. Công tác xã hội hóa giáo dục

* Ưu điểm

- Công đoàn phối hợp Chi đoàn trong năm học 2024-2025 tham gia hiến máu nhân đạo được 04 đơn vị máu
- Nhà trường phối hợp Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức phong trào “Nuôi heo đất hỗ trợ bạn nghèo ăn tết” để gây quỹ hỗ trợ Học sinh nghèo ăn tết : 4.012.000đ
- Tặng 35 phần quà cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn ăn Tết, trị giá 500.000 đ/ phần; 18.000.000đ
- Tổ chức chúc Tết cho CB-GV- NV với 29 phần quà trị giá 400.000 đ/phần; tổng tiền: 11.600.000đ
- Liên đoàn lao động huyện tặng cho giáo viên , nhân viên 2 phần quà trị giá 500.000 đ/ phần; tổng tiền: 1.000.000đ
- Hàng tháng tham gia ủng hộ, đóng góp đầy đủ các loại quỹ do ngành phát động: quỹ phòng chống thiên tai: 1.025.000đ, quỹ khuyến học: 1.200.000đ, ủng hộ đồng bào thiệt hại do bão lũ: 6.705.000đ. Với tổng số tiền của các lại đã ủng hộ, đóng góp là: 8.930.000đ.
- Vận động CBQL-GV-NV gom quần áo, cặp sách, nệm cũ của con em tặng cho học sinh dân tộc có hoàn cảnh khó khăn.

* **Hạn chế:** Nguồn xã hội hóa và nguồn hỗ trợ từ các nhà hảo tâm còn ít.

III. Các hoạt động đoàn thể:

1. Chi bộ

Chi bộ đã lãnh đạo nhà trường điều chỉnh và thực hiện tốt kế hoạch phát triển chất lượng giáo dục của trường trong năm theo đúng kế hoạch đã đề ra. Thường xuyên kiểm tra, giám sát chỉ đạo các bộ phận đoàn thể trong trường tham gia và thực hiện tốt đường lối chủ trương của đảng, chính sách pháp luật nhà nước, nghị quyết của chi bộ. Trong năm tạo nguồn và kết nạp được 01 đảng viên.

2. Đoàn thể:

Trong năm học công đoàn, đoàn thanh niên đã tuyên truyền kịp thời các chính sách pháp luật của nhà nước, của đoàn thể đến công đoàn viên, đồng thời vận động đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động phong trào thi đua của đơn vị, của ngành như: tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế để có thêm thu nhập, làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi nhau lúc gặp khó khăn, tham gia các phong trào chủ nhật xanh. Cùng nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ trong việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường đồng thời giải quyết kịp thời những kiến

ngợi đề xuất thỏa đáng cho VC.

Trong năm phát động công đoàn viên tham gia các phong trào thi đua đạt được kết quả như sau:

- 100% công đoàn viên đăng ký nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tích cực rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

- 100% các điểm trường xanh - sạch - đẹp.

- Viết và áp dụng sáng kiến đạt 6 bộ cấp trường, 3 bộ cấp huyện.

- Hàng tháng tham gia ủng hộ, đóng góp đầy đủ các loại quỹ do ngành phát động: ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, tình thương, khuyến học, quỹ vì người nghèo, tiếp bước cho em đến trường.

- Tham gia hiến máu nhân đạo được: 4 đơn vị máu

- Trong năm đạt Công đoàn Hoàn thành tốt nhiệm vụ, chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3) Ban đại diện cha mẹ học sinh:

Trong năm BDDCMHS đã phối hợp với nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, các mạnh thường quân hỗ trợ nhà trường trong việc tạo điều kiện cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn đến trường. Cụ thể các việc đã làm được trong năm như: Phối hợp nhà trường tham gia gây quỹ tặng quà tết cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn.

Nơi nhận:

- Phòng VH- XH;
- UBND xã;
- BDDHCMHS;
- CBQL-GV-NV;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.